

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 91/2024/HS-PT

Ngày: 08-7-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Ông Đỗ Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thái Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Chu Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Lâm Thị Hồng C do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đối với bản án số 15/2024/HS-ST; ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị cáo:** **Lâm Thị Hồng C**, sinh năm: 1982, tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Số E P, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Số C P, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Trầm; con bà: Bùi Thị G; gia đình: Có 06 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; chồng: Đinh Quốc P, sinh năm: 1972; con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2023. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ bạn bè, chị Lê Thị Mỹ T sinh năm 1998, thường trú tại tổ dân phố T, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng quen biết với Lâm Thị Hồng C. Do cần tiền để kinh doanh nên từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023 chị T đã vay 18 lần tiền của C với hình thức trả góp theo ngày (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) trong thời hạn từ 30 ngày đến 58 ngày (tùy theo từng lần vay). Cúc giao cho chị T bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, hàng ngày chị T sử dụng tài khoản ngân hàng số “64110000890948” của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) - Chi nhánh Đ1 và tài khoản ngân hàng số “1018581665” của Ngân hàng V – Chi nhánh Đ1 để trả tiền góp vào tài khoản ngân hàng số “395555666679” của Ngân hàng Q (MB) của C, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 28/3/2023, C cho chị T vay số tiền 50.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 2.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 60.000.000đ (gồm 50.000.000đ tiền gốc, 10.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 821.918đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 9.178.082đ.

Lần 2: Ngày 29/3/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000đ (gồm 25.000.000đ tiền gốc, 5.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 410.959đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 4.589.041đ.

Lần 3: Ngày 03/4/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000đ (gồm 25.000.000đ tiền gốc, 5.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 410.959đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 4.589.041đ.

Lần 4: Ngày 05/4/2023, C cho chị T vay số tiền 50.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 2.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 60.000.000đ (gồm 50.000.000đ tiền gốc, 10.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 821.918đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 9.178.082đ.

Lần 5: Ngày 16/4/2023, C cho chị T vay số tiền 75.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 3.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 với tổng số tiền là 90.000.000đ (gồm 75.000.000đ tiền gốc, 15.000.000đ tiền

lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.232.877đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 13.767.123đ.

Lần 6: Ngày 20/4/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000đ (gồm 25.000.000đ tiền gốc, 5.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 410.959đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 4.589.041đ.

Lần 7: Ngày 24/4/2023, C cho chị T vay số tiền 75.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 3.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 90.000.000đ (gồm 75.000.000đ tiền gốc, 15.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.232.877đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 13.767.123đ.

Lần 8: Ngày 30/4/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000đ (gồm 25.000.000đ tiền gốc, 5.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 410.959đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 4.589.041đ.

Lần 9: Ngày 05/5/2023, C cho chị T vay số tiền 75.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 3.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 90.000.000đ (gồm 75.000.000đ tiền gốc, 15.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.232.877đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 13.767.123đ.

Lần 10: Ngày 09/5/2023, C cho chị T vay số tiền 100.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 4.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 120.000.000đ (gồm 100.000.000đ tiền gốc, 20.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.643.836đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 18.356.164đ.

Lần 11: Ngày 20/5/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán

30 ngày với tổng số tiền là 30.000.000đ (gồm 25.000.000đ tiền gốc, 5.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 410.959đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 4.589.041đ.

Lần 12: Ngày 22/5/2023, C cho chị T vay số tiền 75.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 3.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 90.000.000đ (gồm 75.000.000đ tiền gốc, 15.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.232.877đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 13.767.123đ.

Lần 13: Ngày 29/5/2023, C cho chị T vay số tiền 100.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 4.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 120.000.000đ (gồm 100.000.000đ tiền gốc, 20.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.643.836đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 18.356.164đ.

Lần 14: Ngày 07/6/2023, C cho chị T vay số tiền 84.000.000đ trong thời hạn 48 ngày, mỗi ngày trả góp 2.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 48 ngày với tổng số tiền là 96.000.000đ (gồm 84.000.000đ tiền gốc, 12.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 108,63%/năm, gấp 5,43 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 2.209.315đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 9.790.685đ.

Lần 15: Ngày 08/6/2023, C cho chị T vay số tiền 100.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 4.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 30 ngày với tổng số tiền là 120.000.000đ (gồm 100.000.000đ tiền gốc, 20.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 1.643.836đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 18.356.164đ.

Lần 16: Ngày 13/6/2023, C cho chị T vay số tiền 100.000.000đ trong thời hạn 58 ngày, mỗi ngày trả góp 2.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 58 ngày với tổng số tiền là 116.000.000đ (gồm 100.000.000đ tiền gốc, 16.000.000đ tiền lãi). Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 100,69%/năm, gấp 5,03 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 3.178.082đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 12.821.918đ.

Lần 17: Ngày 09/8/2023, C cho chị T vay số tiền 25.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 15 ngày với tổng số tiền là 15.000.000đ. Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 243,33%/năm, gấp 12,17 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 205.479đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 2.294.521đ.

Lần 18: Ngày 12/8/2023, C cho chị T vay số tiền 10.500.000đ trong vòng 30 ngày, mỗi ngày đóng 500.000đ (gồm tiền gốc + lãi). T đã thanh toán 10 ngày với tổng số tiền là 5.000.000đ. Như vậy, lãi suất hai bên thỏa thuận là 521,43%/năm, gấp 26,07 lần so với quy định của pháp luật, lãi suất theo quy định của pháp luật mà C được thu là 57.534đ, số tiền thu lợi bất chính mà C đã hưởng là 1.442.466đ.

Như vậy, tổng 18 lần C cho chị T vay với số tiền là 1.044.500.000đ với lãi suất gấp 5,03 lần đến 26,07 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền là 177.787.945đ.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A03S màu đen và 01 điện thoại di động A3s màu xanh của bị cáo Lâm Thị Hồng C.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Mỹ T yêu cầu được nhận lại số tiền thu lợi bất chính mà Lâm Thị Hồng C đã được hưởng từ 18 lần cho chị T vay tiền.

Cáo trạng số: 06/CT-VKSBL ngày 14/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng truy tố Lâm Thị Hồng C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lâm Thị Hồng C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Hồng C 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lâm Thị Hồng C phải nộp lại số tiền 119.212.055đ (Một trăm mười chín triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lâm Thị Hồng C phải trả lại cho chị Lê Thị Mỹ T số tiền 158.287.945đ (Một trăm năm mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/02/2024, Viện kiểm sát thành phố B ra quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKSBL kháng nghị tăng số tiền bị báo phải nộp sung ngân sách Nhà nước là 1.044.500.000đ (Tiền gốc mà bị cáo cho vay), buộc người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước là 19.500.000đ.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, sửa bản án sơ thẩm; buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo cho vay (là phương tiện phạm tội) 1.025.000.000đ và tiền lãi là 19.212.055đ để sung ngân sách Nhà nước. Buộc chị Lê Thị Mỹ T nộp lại số tiền 19.500.000đ (Tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo) để sung ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo hoàn trả cho chị Lê Thị Mỹ T số tiền 177.787.945đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay do trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc là hợp lệ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng thời gian từ ngày 28/3/2023 đến ngày 12/8/2023, tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, Lâm Thị Hồng C đã thực hiện hành vi cho chị Lê Thị Mỹ T vay tiền 18 lần với hình thức vay là trả tiền góp theo ngày trong thời hạn từ 30 ngày đến 58 ngày. Tổng số tiền mà Lâm Thị Hồng C đã cho chị Lê Thị Mỹ T vay là 1.044.500.000đ, lãi suất từ 100,69% đến 521,43%/năm, vượt mức lãi suất cho phép của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,03 đến 26,07 lần. Tổng số tiền lãi mà Lâm Thị Hồng C đã thu từ Lê Thị Mỹ T là 197.000.000đ, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định của pháp luật là 19.212.055đ, số tiền thu lợi bất chính là 177.787.945đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lâm Thị Hồng C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tăng số tiền bị cáo phải nộp bổ sung ngân sách Nhà nước là 1.044.500.000đ, buộc người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước là 19.500.000đ thấy rằng; bị cáo 18 lần cho chị T vay với số tiền gốc tổng cộng là 1.044.500.000đ, các lần vay kế tiếp nhau về mặt thời gian, kết thúc hoặc nhận lại phần lớn tiền vay lần trước mới cho vay tiếp lần sau; trong đó lần cho vay tiền gốc cao nhất là 100.000.000đ. Bị cáo sử dụng số tiền 1.044.500.000đ làm công cụ phạm tội. Bị cáo thu tổng tiền lãi từ chị T là 197.000.000đ, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định của pháp luật là 19.212.055đ, số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá quy định) là 177.787.945đ. Lần vay thứ 17 và 18 chị T chưa thanh toán đủ số tiền bị cáo đã cho vay là 19.500.000đ. Như vậy, số tiền gốc bị cáo cho chị T vay là 1.044.500.000đ. Chị T chưa thanh toán tiền gốc cho bị cáo 19.500.000đ các khoản tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện phạm tội và tiền lãi cần tịch thu sung công là phù hợp.

Do vậy, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, sửa bản án sơ thẩm; buộc bị cáo phải nộp lại số tiền gốc 1.025.000.000đ (1.044.500.000đ - 19.500.000đ) với tiền lãi 19.212.055đ tổng cộng là 1.044.212.055đ để sung ngân sách Nhà nước, buộc chị Lê Thị Mỹ T phải nộp số tiền 19.500.000đ (số tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo) để sung

ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho chị Lê Thị Mỹ T số tiền 177.787.945đ (tiền lãi mà bị cáo nhận của chị T vượt quá quy định) như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 351; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Thị Hồng C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lâm Thị Hồng C 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Lâm Thị Hồng C phải nộp lại số tiền 1.044.212.055đ (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Lâm Thị Hồng C phải trả lại cho chị Lê Thị Mỹ T số tiền 177.787.945đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Buộc chị Lê Thị Mỹ T phải nộp 19.500.000đ (Tiền gốc chưa thanh toán cho bị cáo) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lâm Thị Hồng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (02);
- VKSND thành phố Bảo Lộc (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Bảo Lộc (01);
- Cơ quan THAHS thành phố Bảo Lộc (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoài